TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 20/02/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đoàn Thị Liễu
2. Bà Lê Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Danh Tường Vi – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 20 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2018, về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2018/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1978 (có mặt)
Ông Lê Văn T, sinh năm 1971 (có mặt);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1978, theo giấy ủy quyền ngày 15/8/2018.

Cùng địa chỉ: Số nhà 500/8A đường D, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1982 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà B10 Hẻm 1081D đường K, khu phố 5, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Phú T1, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà B10 Hẻm 1081D đường K, khu phố 5, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị L và ông Lê Văn T trình bày: Do cần tiền làm ăn nên vào ngày 20/8/2016 âm lịch bà Nguyễn Thị Thúy D có vay của ông bà số tiền 200.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận, lãi suất thoả thuận 4%/ tháng, thời gian vay 60 ngày, tuy nhiên hai bên

thống nhất trả lãi là 3%/tháng và từ khi vay tiền đến nay bà D chỉ đóng lãi được hai tháng.

Đối với số tiền 134.700.000 đồng là gồm số tiền bà L vô hụi dùm cho bà D là 62.440.000 đồng (một chân vô của X và chia lại cho bà D còn nợ lại 9.000.000 đồng, một chân vô của N 23.440.000 đồng, hụi của dì T2 còn 30.000.000 đồng); còn lại số tiền 72.260.000 đồng là tiền bà L mượn dùm cho bà D. Số tiền này không có làm biên nhận nhưng bà L có ghi âm lại cuộc nói chuyện với bà D đã cung cấp cho Tòa án USB chứa đoạn file ghi âm, nội dung bà D xác nhận tổng số tiền là 334.700.000 đồng. Tại phiên toà bà D không thừa nhận giọng nói trong đoạn file ghi âm do bà L cung cấp, bà L yêu cầu giám định giọng nói của bà D. Tuy nhiên do số tiền bà D nợ bà L thời gian đã lâu, nên bà L, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà D, ông T1 trả số tiền nợ 134.700.000 đồng.

Ngoài ra, vào khoảng tháng 4/2017 bà D có nhờ bà L, ông T đứng ra bảo lãnh với Công ty Home Credit để mua dùm 01 tivi nhãn hiệu Samsung và 01 tủ lạnh nhãn hiệu Toshiba. Sau khi mua chị D tự đóng lãi và gốc cho công ty nhưng đến tháng thứ chín thì ngưng không đóng nữa nên Công ty đã yêu cầu bà L, ông T phải trả tiền thay cho bà D số tiền gốc và lãi của 03 tháng cuối là 8.970.000 đồng.

Đối với những người làm chứng là những người trực tiếp tham gia chơi hụi với bà L, chưa có lần nào giao dịch với bà D, nên bà D không biết.

Bà L, ông T xác định các lần vay tiền trên chồng của bà D đều biết và đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà D, ông T1 trả số tiền trên nhưng họ vẫn không trả.

Nay bà L yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Thuý D và ông Huỳnh Phú T1 phải trả số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và lãi suất tính theo quy định pháp luật từ ngày vay đến khi xét xử. Ngoài ra yêu cầu trả số tiền đã bảo lãnh mua vật dụng gia đình là 8.970.000 đồng không yêu cầu tính lãi suất; yêu cầu trả trong thời hạn 06 tháng, không đồng ý cho trả dần.

* Tại bản tự khai ngày 03/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D trình bày: Bà thừa nhận do cần tiền làm ăn nên có vay của bà L nhiều lần, đến ngày 20/8/2016 âm lịch bà có làm biên nhận vay của vợ chồng bà L số tiền 200.000.000, lãi suất thoả thuận mỗi tháng 3%, thời gian vay 60 ngày, bà D đóng lãi cho bà L đầy đủ đến tháng 4/2018 thì ngưng do hoàn cảnh khó khăn và nợ rất nhiều người, việc đóng lãi cho bà L không có làm biên nhận và không ai chứng kiến.

Bà D thừa nhận vào khoảng tháng 4/2017 có nhờ bà L, ông T đứng ra bảo lãnh với Công ty Home Credit để mua dùm 01 tivi nhãn hiệu Samsung và 01 tủ lạnh nhãn hiệu Toshiba, mua với hình thúc trả góp trong thời hạn 12 tháng, bà D tự đóng lãi và gốc đến tháng thứ chín thì ngưng. Còn lại số tiền gốc và lãi của 03 tháng cuối là 8.970.000 đồng là do bà L, ông T đã đóng dùm bà D. Nên bà D đồng ý trả lại cho bà L, ông T số tiền trên.

Đối với số tiền 134.700.000 đồng bà L yêu cầu bà D trả gồm số tiền bà L vô hụi dùm và số tiền mượn, bà D xác định không có nợ số tiền này của bà L. Bà D cho rằng file ghi âm bà L cung cấp cho Toà án không phải là giọng nói của bà nhưng bà D không yêu cầu giám định, vì bà L là người thưa bà nên Toà án mời thì bà tham gia. Nếu bà L yêu cầu giám định thì bà D đồng ý hợp tác.

Bà D xác định hiện tại bà và ông T1 vẫn là vợ chồng hợp pháp, tuy nhiên bà vay tiền của bà L làm ăn thì chồng bà là ông T1 hoàn toàn không biết, mục đích bà vay tiền để cho người khác vay lại kiếm lời để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Bà D không yêu cầu ông T1 cùng trả nợ, vì ông T1 không liên quan đến vụ án này.

Nay theo yêu cầu của bà L, ông T thì bà D chỉ đồng ý trả cho bà L, ông T số tiền vay 200.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi suất vì bà đã trả lãi cho bà L rất nhiều. Ngoài ra bà D đồng ý trả số tiền mua tivi, tủ lạnh cho bà L, ông T là 8.970.000 đồng. Nhưng hiện nay còn nợ nhiều người và cũng bị người khác giựt nợ, gia đình lâm vào hoàn cảnh khó khăn nên bà D xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Phú T1 trình bày: Hiện tại giữa ông và bà D vẫn là vợ chồng hợp pháp. Đối với số tiền vay giữa bà L, ông T và vợ ông là bà D thì ông hoàn toàn không biết, không liên quan. Nên ông không đồng ý cùng bà D trả số tiền trên cho bà L.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã vi phạm Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà D đều xác nhận có vay số tiền 200.000.000 đồng của bà L, ông T ngày 20/8/2016 âm lịch và thừa nhận có nhờ bà L, ông T đứng ra bảo lãnh mua dùm tivi, tủ lạnh còn thiếu 8.970.000 đồng, đây là chứng cứ không phải chứng minh trong vụ án. Tuy nhiên, hợp đồng vay tài sản giữa hai bên lãi suất đã vượt quá quy định pháp luật cho nên cần phải điều chỉnh lại lãi suất cho phù hợp. Việc bà D cho rằng đã trả lãi cho bà L, ông T đầy đủ, chỉ thiếu tiền lãi từ tháng 3.2018 đến nay, tuy nhiên bà D lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Việc bà D vay tiền bà D xác nhận ông T1 không biết, nhưng nợ được phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên buộc ông T1 phải có trách nhiệm cùng bà D trả nợ cho bà L, ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 buộc bà D, ông T1 trả cho bà L, ông T số tiền 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 20/8/2016 âm lịch đến ngày thi hành xong bản án.

Đối với số tiền 134.700.000 đồng, tại phiên tòa bà L xin rút yêu cầu đối với số tiền nêu trên, việc rút yêu cầu của bà L trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định pháp luật, nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật: Xét thấy giao dịch vay tiền giữa bà L với bà D, thì ông Huỳnh Phú T1 không có trực tiếp cùng bà D vay tiền của bà L, do đó theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì ông Huỳnh Phú T1 tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên ông Huỳnh Phú T1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Phú T1.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án nhận thấy do vụ án tranh chấp cần có thời gian điều tra, xác minh nên kéo dài thời gian, vi phạm thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị L và bà Nguyễn Thị Thúy D ký kết biên nhận nợ 200.000.000 đồng vào ngày 20/8/2016 âm lịch, nhằm ngày 20/9/2016 dương lịch, như vậy biên nhận nợ đã được hai bên giao kết thực hiện trước ngày 01/01/2017. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các Điều luật của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét nội dung tranh chấp: Tại biên nhận ngày 20/8/2016 âm lịch, thể hiện bà Nguyễn Thị Thúy D có vay của bà Phạm Thị L, ông Lê Văn T số tiền 200.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4% /tháng, thời hạn vay 60 ngày. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm bà D thừa nhận bà là người viết biên nhận và ký tên vào biên nhận trên của bà L, như vậy phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì việc bà D vay của bà L, ông T số tiền 200.000.000 đồng là có thật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà L, ông T số tiền vay gốc 200.000.000 đồng cùng với lãi suất.

Đối với số tiền 8.970.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bà D thừa nhận có nhờ bà L và ông T đứng ra bảo lãnh mua trả góp của Công ty Home Credit 01 tivi và 01 tủ lạnh, thời hạn trả góp là 12 tháng, bà D tự đóng lãi, gốc đến tháng thứ chín thì ngưng, còn 03 tháng cuối thì bà L, ông T đã trả dùm cho bà D với số tiền 8.970.000 đồng. Nên bà D đồng ý trả lại số tiền này cho bà L, ông T.

Tại phiên toà bà L, ông T xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện; bà L, ông T không yêu cầu bà D, ông T1 trả số tiền 134.700.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, ông T là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L, ông Lê Văn T về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Thuý D, ông Huỳnh Phú T1 trả số tiền nợ 134.700.000 đồng.

[4] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Tại phiên toà bà D thừa nhận số tiền bà nợ bà L, ông T mục đích là làm ăn nhằm để sinh lời phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình và được phát sinh trong quá trình hôn nhân. Theo quy định tại Điều 27 và Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, việc ông T1 không ký tên vào các biên nhận không đồng nghĩa với việc ông T1 không phải cùng bà D chịu trách nhiệm trả nợ và hiện tại bà D, ông T1 vẫn đang là vợ chồng hợp pháp. Từ đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc bà D và ông T1 cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà L, ông T cùng với lãi suất.

[5] Xét phần lãi suất: Bà L và bà D thống nhất số tiền tại biên nhận ngày 20/8/2016 âm lịch, nhằm ngày 20/9/2016 dương lịch là 200.000.000 đồng, lãi suất là 4%/tháng, thời hạn vay 60 ngày, tuy nhiên bà D chỉ trả lãi cho bà L là 3%/tháng. Bà L cho rằng bà D chỉ đóng lãi được 02 tháng, phía bà D thì cho rằng đã đóng lãi cho bà L đến tháng 4/2018 nhưng bà D không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Như vậy lãi suất hai bên thỏa thuận là cao so với quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh cho phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 476 và khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm, lãi suất được tính như sau: [9%/năm : 12 tháng = 0,75% x 150%] = 1,125%/tháng.

- Từ ngày 20/9/2016 dương lịch đến ngày 20/11/2016 là 02 tháng x 200.000.000 đồng x 0,75%/tháng = 3.000.000 đồng.

- Từ ngày 21/11/2016 đến ngày 19/02/2019 là 15 tháng x 200.000.000 đồng x 1,125%/tháng = 33.750.000 đồng.

Tổng cộng lãi suất theo quy định của pháp luật là 36.750.000 đồng và tại phiên tòa hôm nay bà L thừa nhận có nhận tiền lãi của bà D 02 tháng là 12.000.000 đồng, khấu trừ số tiền lãi bà D đã trả cho bà L, bà D còn phải trả tiền lãi cho bà L là: 33.750.000 đồng – 12.000.000 đồng = 21.750.000 đồng.

Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, ông Lê Văn T đối với bà Nguyễn Thị Thúy D, ông Huỳnh Phú T1. Buộc Nguyễn Thị Thúy D, ông Huỳnh Phú T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị L, ông Lê Văn T số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, lãi suất theo quy định pháp luật là 21.750.000 đồng và số tiền nợ 8.970.000 đồng, tổng cộng 230.720.000 đồng.

[6] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Về thời gian trả nợ: Bà D yêu cầu được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, nhưng bà L không chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trường hợp bà D có khó khăn thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy D, ông Huỳnh Phú T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 230.720.000 đồng x 5% = 11.536.000 đồng.

Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.350.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004748 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, khoản 1, 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L, ông Lê Văn T về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Phú T1.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thúy D, ông Huỳnh Phú T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị L, ông Lê Văn T số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, lãi suất theo quy định pháp luật là 21.750.000 đồng và số tiền nợ 8.970.000 đồng, tổng cộng là 230.720.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L, ông Lê Văn T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy D, ông Huỳnh Phú T1 trả số tiền nợ 134.700.000 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Thúy D, ông Huỳnh Phú T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.536.000 đồng (mười một triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Bà Phạm Thị L, ông Lê Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.350.000 đồng (tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004748 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THẠCH SÔ PHÉP

* **Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu./.